

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HCM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2016

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẬC ĐẠI HỌC NGÀNH VIỆT NAM HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA QUA MẠNG**

- Tên chương trình: Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Việt Nam học
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Việt Nam học
- Loại hình đào tạo: Đào tạo từ xa qua mạng (không chính quy)
- Mã ngành đào tạo: 52.22.01.13

1. Hiện trạng của ngành đào tạo

- Hiện trạng của ngành tại Việt Nam và trên thế giới

Theo số liệu đăng ký ở Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay trong cả nước có gần 100 cơ sở đăng ký đào tạo ngành Việt Nam học (bậc cao đẳng và đại học). Điều đó cho thấy nhu cầu học tập ngành Việt Nam học của người Việt ở nước ta cũng như trên thế giới là khá lớn và ngày càng tăng nhanh.

Ngoài lãnh thổ Việt Nam, Việt Nam học, Tiếng Việt cũng là những ngành học của nhiều trường đại học ở nước ngoài như Đại học Ngoại ngữ Hankuk, Đại học Ngoại ngữ Busan, Đại học Ngoại ngữ Chungwoon của Hàn Quốc, Đại học Ngoại ngữ Tokyo, Đại học Ngoại ngữ Kanda, Đại học APU của Nhật Bản, Đại học Paris Diderot – Paris 7 của Pháp, Đại học Humboldt của Đức, California State University, Long Beach của Hoa Kỳ, Đại học Srinakharinwirot của Thái Lan,...

Khoa Việt Nam học của Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG-HCM bắt đầu đào tạo ngành Việt Nam học ở bậc đại học năm học 2000 – 2001 và đến năm học 2009-2010 thì triển khai đào tạo chuyên ngành Việt Nam học bậc Cao học. Ngoài đào tạo chính quy bậc cao học và đại học, mỗi năm Khoa Việt Nam học còn tổ chức nhiều khoá học đáp ứng nhu cầu học tiếng Việt và Việt Nam học cho gần 4.000 lượt Việt kiều và người nước ngoài.

- Nhu cầu và bối cảnh mở ngành mới đối với việc mở ngành Việt Nam học:

Trong số hàng ngàn học viên nhiều nước đến học tiếng Việt (và văn hóa Việt Nam) hàng năm tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, nhiều học viên rất muốn học ở bậc đại học nhưng do công việc, hoặc thời gian lưu trú tại Việt Nam ngắn nên không thể thực hiện được.

Như đã nói, nhu cầu học tập ngành Việt Nam học ở trong nước và nước ngoài hiện nay là khá lớn. Tuy nhiên chỉ có một số ít cơ sở là có đủ năng lực đào tạo (chủ yếu tập trung ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh) và việc giảng dạy ngành Việt Nam học tại hầu hết cơ sở đang tập trung vào chuyên ngành hẹp là du lịch để đào tạo nhân lực cho việc

điều hành quản lý, hướng dẫn các tour du lịch tại Việt Nam cho người nước ngoài... Vì vậy việc mở chương trình đào tạo từ xa qua mạng ngành Việt Nam học sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu học tập của rất nhiều người Việt Nam lẫn nước ngoài với mục đích giới thiệu một Việt Nam đổi mới, thân thiện, năng động với bạn bè thế giới.

- Sau thời gian các chuyên gia kiểm định chất lượng giáo dục thuộc mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á đến làm việc, ngày 8/1/2012, chương trình đào tạo bậc đại học ngành Việt Nam học chính thức được chứng nhận đạt chuẩn AUN-QA (ASEAN Universities Network – Quality Assurance). Đây là chương trình đào tạo bậc đại học đầu tiên của Trường đạt được chuẩn này và là cột mốc đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của Khoa Việt Nam học. Vì vậy, đây cũng là ưu thế, là điều kiện thuận lợi để Khoa có thể thực hiện việc mở chương trình đào tạo ngành Việt Nam học theo hình thức đào tạo từ xa qua mạng nhằm đáp ứng nhu cầu của người học trong và ngoài nước.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Việt Nam học hình thức từ xa qua mạng tin học viễn thông (sau đây được viết tắt là ĐTTX) được xây dựng nhằm tạo điều kiện cho sinh viên được học tập, nâng cao trình độ trong lĩnh vực Việt Nam học theo thời gian, địa điểm học tập do người học chủ động sắp xếp sao cho phù hợp nhất với điều kiện học tập của mình.

Chương trình được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân có kiến thức Việt Nam học, có tinh thần, thái độ phục vụ tốt, đáp ứng yêu cầu của công việc liên quan đến đất nước, con người Việt Nam; có khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn nghề nghiệp; có tinh thần cầu tiến, khả năng tự học hỏi, làm việc nhóm và thích ứng với môi trường làm việc tại Việt Nam, có liên quan đến Việt Nam hoặc môi trường đa văn hoá.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo từ xa qua mạng ngành Việt Nam học có các mục tiêu cụ thể như sau (mục tiêu được dùng ký hiệu M):

(M1) Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn.

(M2) Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, con người Việt Nam.

(M3) Trang bị cho sinh viên nước ngoài những kiến thức cơ bản về cơ cấu tiếng Việt.

(M4) Trang bị cho sinh viên Việt Nam những kiến thức cơ bản về chữ Hán và chữ Nôm.

(M5) Đào tạo sinh viên có đạo đức, có tinh thần trách nhiệm với đất nước, cộng đồng và công việc.

(M6) Trang bị cho sinh viên kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, giao tiếp,...

2.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.3.1 Kiến thức (sau khi học xong chương trình, sinh viên biết được):

(C1) Sinh viên tốt nghiệp ngành Việt Nam học có thể nắm vững những kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn:

+ Những nội dung cơ bản về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh:

+ Môi quan hệ giữa phát triển và môi trường

+ Lịch sử phát triển nền văn minh nhân loại

+ Chính trị học, pháp luật, xã hội học, tâm lý học

- + Kinh tế học vĩ mô và vi mô.
- + Hiểu biết về nhà nước và pháp luật Việt Nam.

(C2) Sinh viên tốt nghiệp ngành Việt Nam học nắm vững những kiến thức cơ bản về đất nước, con người Việt Nam:

- + Kiến thức về văn hóa Việt Nam
- + Kiến thức về lịch sử Việt Nam
- + Những vấn đề về kinh tế Việt Nam
- + Những vấn đề về chính trị Việt Nam
- + Các tộc người thiểu số ở Việt Nam
- + Những vấn đề của tiếng Việt và các ngôn ngữ thiểu số tại Việt Nam
- + Văn học, nghệ thuật Việt Nam.

2.3.2 Phẩm chất, thái độ cá nhân với nghề nghiệp:

(C3) Có đạo đức, có tinh thần trách nhiệm với đất nước, với cộng đồng và công việc.

- + Có đạo đức tốt, trung thực, cuộc sống lành mạnh.
- + Có ý thức và trách nhiệm công dân, tuân thủ pháp luật.
- + Có ý thức và trách nhiệm với cộng đồng.
- + Có trách nhiệm với công việc.

2.3.3 Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

(C4) Sinh viên có kỹ năng ngoại ngữ, tin học.

+ Sinh viên quốc tế sau khi tốt nghiệp có thể sử dụng tiếng Việt trong công việc và cuộc sống ở mức độ khá. Đọc hiểu, viết những văn bản thông thường bằng tiếng Việt.

+ Sinh viên Việt Nam sau khi tốt nghiệp biết khoảng 500 chữ Hán và khoảng 100 chữ Nôm thông dụng; có thể giao tiếp bằng một ngoại ngữ ở trình độ khá.

+ Có khả năng sử dụng máy tính để viết, trình bày văn bản bằng các phần mềm thông dụng như Word, Excel, Power Point.

+ Có khả năng truy cập và tìm thông tin trên mạng.

(C5) Sinh viên có khả năng làm việc theo nhóm.

- + Có ý thức và khả năng làm việc theo nhóm.
- + Có tinh thần hợp tác tốt.

(C6) Sinh viên có khả năng giao tiếp và thích ứng với môi trường làm việc.

- + Giao tiếp mạch lạc, trôi chảy.
- + Ý tưởng logic, lập luận rõ ràng.
- + Có khả năng thuyết trình trước đám đông.
- + Thích ứng với môi trường làm việc tại Việt Nam, có liên quan đến Việt Nam hoặc môi trường đa văn hoá.

2.3.4. Năng lực thực hành nghề nghiệp

(C7) Áp dụng kiến thức đã học để giải quyết công việc thực tiễn

+ Vận dụng kiến thức chung về khoa học xã hội và nhân văn, Việt Nam học và khu vực học, khả năng ngoại ngữ (tiếng Việt, tiếng Anh, chữ Hán, chữ Nôm...) để nghiên cứu, giải quyết những yêu cầu của cơ quan, đơn vị.

+ Hình thành ý tưởng và xây dựng các giải pháp triển khai, giải quyết công việc.

(C8) Có khả năng phân tích và giải quyết những vấn đề liên quan đến Việt Nam, Việt Nam học

- + Nhận dạng và xác định được những vấn đề thuộc lĩnh vực Việt Nam học.
- + Có khả năng phân tích, đề xuất hướng giải quyết về các vấn đề có liên quan đến ngành học.

2.4. Cơ hội nghề nghiệp

Cử nhân ngành Việt Nam học có đủ năng lực để:

- Làm việc trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện, văn phòng thương mại, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ ở trong và ngoài nước Việt Nam.
- Làm công tác biên – phiên dịch tiếng Việt trong các cơ quan kinh tế, ngoại giao, giáo dục, du lịch...
- Nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ.
- Có thể học tiếp các chương trình sau đại học thuộc chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần tại Việt Nam hoặc nước ngoài.

2.5. Ma trận tương quan giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo

Mục tiêu CTĐT 2.5. Ma trận tương quan giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra của CTĐT							
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8
M1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn.	X		X	X	X		X	X
M2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, con người Việt Nam.	X	X	X	X	X	X	X	X
M3. Trang bị cho sinh viên nước ngoài những kiến thức cơ bản về cơ cấu tiếng Việt.	X	X		X	X	X	X	X
M4. Trang bị cho sinh viên Việt Nam những kiến thức cơ bản về chữ Hán và chữ Nôm.	X	X		X	X		X	X
M5. Đào tạo sinh viên có đạo đức, có tinh thần trách nhiệm với đất nước, cộng đồng và công việc.	X	X	X		X	X	X	X
M6. Trang bị cho sinh viên kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, giao tiếp,...	X	X	X	X	X	X	X	X

3. Thời gian đào tạo

Chương trình ĐTTX bậc đại học ngành Việt Nam học được thiết kế với thời gian chuẩn là 4 (bốn năm) năm. Tuy nhiên, tùy theo khả năng học tập của mình, sinh viên có thể rút ngắn thời gian học tập tối đa 1 học kỳ chính hoặc có thể kéo dài thời gian học tối đa là 4 học kỳ chính (tương đương từ 4 năm đến 6 năm).

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Khối lượng kiến thức toàn khoá được chia thành hai loại, tùy theo loại hình đào tạo dành cho người học học văn bằng 1 hay học văn bằng 2.

- **Chương trình đào tạo Văn bằng 1:** Chương trình ĐTTX bậc đại học ngành Việt Nam học Văn bằng 1 dành cho đối tượng đã tốt nghiệp Phổ thông Trung học hoặc tương đương; chương trình được thiết kế với khối lượng kiến thức tối thiểu cho toàn khoá học là 120 tín chỉ, gồm hai khối kiến thức: kiến thức giáo dục đại cương (28 tín chỉ) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (92 tín chỉ). Nội dung các khối kiến thức này

dựa trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của ĐHQG-HCM và Trường ĐHKHXH&NV.

CÁC KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương	28	
1. Kiến thức lý luận chính trị	10	
2. Kiến thức nhân văn-nghệ thuật	18	
1.1. Các môn bắt buộc	14	
1.2. Các môn tự chọn	04	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92	
1. Kiến thức cơ sở ngành	54	
2. Kiến thức chuyên ngành	38	
2.1. Các môn bắt buộc	26	
2.2. Khóa luận tốt nghiệp	10	Dành cho SV được làm khóa luận tốt nghiệp
2.3. Các môn tự chọn	02/12	- SV làm khóa luận: 02 - SV không làm khóa luận: 12
Tổng số tín chỉ toàn khóa	120	

- **Chương trình đào tạo Văn bằng 2:** Chương trình ĐTTX bậc đại học ngành Việt Nam học Văn bằng 2 dành cho đối tượng đã tốt nghiệp đại học; chương trình được thiết kế với khối lượng kiến thức tối thiểu cho toàn khóa học là 92 *tín chỉ*, gồm các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92	
1. Kiến thức cơ sở ngành	54	
2. Kiến thức chuyên ngành	38	
2.1. Các môn bắt buộc	26	
2.2. Khóa luận tốt nghiệp	10	Dành cho SV được làm khóa luận tốt nghiệp
2.3. Các môn tự chọn	02/12	- SV làm khóa luận: 02 - SV không làm khóa luận: 12
Tổng số tín chỉ toàn khóa	92	

5. Đối tượng xét tuyển, điều kiện dự tuyển

- *Tuyển sinh:* Công tác tuyển sinh cho hệ ĐTTX bậc đại học ngành Việt Nam học sẽ được tổ chức theo phương thức xét tuyển hồ sơ đăng ký.

- Điều kiện dự tuyển để theo học chương trình ĐTTX ngành Việt Nam học và công tác tuyển sinh được căn cứ theo “Quy chế tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa qua mạng của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh” ban hành theo Quyết định số 1561/QĐ/ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đối tượng xét tuyển* cho chương trình ĐTTX bậc đại học ngành Việt Nam học gồm người Việt Nam, Việt kiều và người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam

- *Điều kiện tham gia xét tuyển:* Những người muốn theo học ĐTTX bậc đại học chuyên ngành Việt Nam học phải có các điều kiện sau:

+ Tốt nghiệp phổ thông trung học (hệ 12 năm) hoặc văn bằng tương đương (học Văn bằng 1) hoặc:

+ Đã tốt nghiệp đại học (học Văn bằng 2).

Đối tượng xét tuyển là sinh viên quốc tế thì ngoài điều kiện về trình độ nêu trên, còn phải biết tiếng Việt ít nhất là ở trình độ cơ sở; tức là phải có tối thiểu là chứng chỉ B1 tiếng Việt do Trường ĐH KH&NV - ĐHQG-HCM cấp (Văn bằng 1) hoặc chương trình đại học văn bằng 1 phải học tập bằng tiếng Việt hoặc phải có Chứng chỉ tiếng Việt trình độ C1 do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh cấp (Văn bằng 2).

- *Đối tượng được ưu tiên xét tuyển*: Việc xác định những đối tượng được ưu tiên xét tuyển sẽ được căn cứ theo “Quy chế tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa qua mạng của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh” ban hành theo Quyết định số 1561/QĐ/ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Hồ sơ đăng ký dự xét tuyển và thủ tục đăng ký xét tuyển*: Hồ sơ đăng ký dự xét tuyển và thủ tục đăng ký xét tuyển sẽ được căn cứ theo “Quy chế tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa qua mạng của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh” ban hành theo Quyết định số 1561/QĐ/ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

6.1 Quy chế đào tạo

Chương trình ĐTTX bậc đại học ngành Việt Nam học được tổ chức dựa theo các văn bản sau:

1) “Quy chế đào tạo đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” được ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 ngày 8 tháng 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2) “Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ” được ban hành theo Quyết định số 1368/QĐ/ĐHQG ĐH&SĐH ngày 21 tháng 11 năm 2008 của ĐHQG-HCM.

3) “Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ đào tạo từ xa qua mạng tin học viễn thông của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh” (Ban hành kèm theo Quyết định số 1019/QĐ/ĐHQG/ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Giám đốc ĐHQG-HCM).

4) “Quy định về đào tạo đại học văn bằng thứ hai theo hệ thống tín chỉ” (Ban hành kèm theo Quyết định số 228/QĐ-XHNV-ĐT, ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHXH&NV- ĐHQG-HCM).

5) “Quy chế tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa qua mạng của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh” (Ban hành theo Quyết định số 1561/QĐ/ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh).

6) Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2 Quy trình đào tạo

- *Văn bằng 1*: Chương trình ĐTTX bậc đại học ngành Việt Nam học Văn bằng 1 được tổ chức theo học chế tín chỉ. Học chế này yêu cầu sinh viên phải tích lũy tối thiểu 120 tín chỉ gồm cả hai khối kiến thức đại cương và chuyên nghiệp trong thời gian 4,5 năm, gồm 9 học kỳ chính. Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn thời gian học, tối đa là 1 học kỳ chính; hoặc được kéo dài thêm thời gian học, tối đa là 8 học kỳ chính.

- *Văn bằng 2*: Chương trình ĐTTX bậc đại học ngành Việt Nam học Văn bằng 2 được tổ chức theo học chế tín chỉ. Học chế này yêu cầu sinh viên phải tích lũy tối thiểu 92 tín chỉ gồm các môn học thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp trong khoảng thời

gian là 2,5 năm, gồm 5 học kỳ chính. Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn thời gian học, tối đa là 1 học kỳ chính; hoặc được kéo dài thêm thời gian học, tối đa là 4 học kỳ chính.

6.3 Phương thức đào tạo

- Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học từ xa qua mạng được thực hiện thuộc phương thức đào tạo không chính quy trong hệ thống giáo dục quốc dân. Việc dạy và học được tiến hành chủ yếu thông qua mạng tin học viễn thông dưới sự tổ chức và trợ giúp của Khoa Việt Nam học và Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia TP HCM. Do vậy, yêu cầu của phương thức đào tạo này là lấy việc tự học của người học làm chính, đòi hỏi người học phải tự giác, kiên trì và quyết tâm cao để hoàn thành chương trình học tập của mình.

- Chương trình áp dụng phương thức đào tạo từ xa qua mạng viễn thông, theo đó phương thức học tập chủ yếu là dưới 2 hình thức:

+ Offline: là hình thức sinh viên tự học tại nhà: tự học thông qua các tài liệu học tập như bài giảng, sách giáo khoa, giáo trình, băng, đĩa phần mềm máy tính..., trao đổi, thảo luận với giảng viên hoặc học viên khác về nội dung học tập nhờ máy vi tính và mạng tin học viễn thông. Hình thức này chiếm từ 70% đến 85% tổng số tiết môn học.

+ Online: Có giảng viên giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp qua mạng để giúp học viên biết cách thực hiện các phần khó, giải đáp thắc mắc và tổ chức hti hết môn học... Hình thức này chiếm từ 15% đến 30% số tiết môn học.

Để học tập đạt hiệu quả cao, sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu, sách truyền thông đa phương tiện (Mbook) cho mỗi môn học được giảng viên cung cấp trên trang hệ thống <http://courses.vns.edu.vn>.

- Hình thức thi: tùy theo tính chất của mỗi môn học mà sinh viên sẽ phải làm báo cáo, thi tại các điểm thi do cơ sở đào tạo uỷ quyền, hay thi online, offline. Điểm mỗi môn học bao gồm các điểm thành phần như điểm thảo luận, điểm thực hành, bài tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm kiểm tra kết thúc môn học. Các điểm thành phần này tùy thuộc mỗi môn học và được ghi cụ thể trong từng đề cương chi tiết mỗi môn học. Các điểm thành phần được cho dưới dạng số nguyên từ 0 đến 10 (theo thang điểm 10); điểm môn học được cho theo thang điểm 10 đến một chữ số thập phân và làm tròn đến 0,5. Điểm môn học đạt là điểm từ 5,0 trở lên.

- Quy trình quản lý đào tạo: Hồ sơ tuyển sinh (danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, hồ sơ thí sinh nhập học...), kết quả học tập các môn học và kết quả học tập toàn khóa học, hồ sơ xét tốt nghiệp, danh sách sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp... được bảo quản, lưu trữ tại Phòng Đào tạo (bản chính) và Khoa Việt Nam học (bản photocopy) Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia TP HCM theo quy định tại Chương V về Chế độ báo cáo, lưu trữ tại Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ đào tạo từ xa qua mạng viễn thông của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 1019/QĐ/ĐHQG/ĐT ngày 20/12/2004 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP HCM; và tại Chương VII về Chế độ báo cáo và lưu trữ tại Quy chế tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa qua mạng của Đại học Quốc gia TP HCM ban hành kèm Quyết định số 1561/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 31/12/2013 của Đại học Quốc gia TP HCM.

6.4 Điều kiện tốt nghiệp, văn bằng

Sau khi hoàn tất toàn bộ các yêu cầu của chương trình đào tạo, sinh viên được nhận bằng Cử nhân ngành Việt Nam học – Hệ đào tạo từ xa qua mạng của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh cấp. Có hai hệ văn bằng:

- *Văn bản 1*: Sinh viên tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo (130-140 tín chỉ tùy đối tượng, như đã nêu trên). Đề được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên Việt Nam phải có các chứng chỉ Ngoại ngữ không chuyên (trình độ B), Tin học đại cương (các chứng chỉ này do sinh viên tự tích lũy). Đối với sinh viên quốc tế: nộp chứng chỉ Tin học A, Tin học văn phòng hoặc tương đương.

- *Văn bản 2*: Sinh viên tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo (95 tín chỉ). Đề được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên Việt Nam phải có các chứng chỉ Ngoại ngữ không chuyên (trình độ B), Tin học đại cương (các chứng chỉ này do sinh viên tự tích lũy). Đối với sinh viên quốc tế: nộp chứng chỉ Tin học A, Tin học văn phòng hoặc tương đương.

6.5 Quy mô đào tạo

Do không bị hạn chế về không gian và thời gian, nên quy mô đào tạo của chương trình ở giai đoạn đầu có thể lên đến 100 sinh viên/khoá. Sau thời gian triển khai khoảng 2 năm để rút kinh nghiệm về công tác tổ chức, kiểm nghiệm phần mềm, quy mô đào tạo là không giới hạn, hoàn toàn tùy thuộc nhu cầu của người học.

Dự kiến quy mô đào tạo trong 5 năm từ 2017 đến 2022 như sau:

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Chỉ tiêu tuyển sinh	100	110	120	130	140
Quy mô	100	220	340	470	510

7. Thang điểm

Thang điểm được tính theo thang điểm 10. Điểm kiểm tra, điểm thi cuối môn học được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến 0,5. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được lấy đến 2 chữ số thập phân.

8. Nội dung chương trình

Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học bậc đại học dành cho sinh viên Việt Nam và người nước ngoài đang sống tại Việt Nam

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Số tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
I Kiến thức giáo dục đại cương (Foundation Subjects / General Educational Knowledge)			28	28		
I.1 Các môn lý luận chính trị			10	10		
1	DAI001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin I (Marxism and Leninism Principles I)	02	02		
2	DAI002	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin II (Marxism and Leninism Principles II)	03	03		
3	DAI003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Directions and policies of Vietnam Communist Party)	03	03		
4	DAI004	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	02	02		
I.2 Các môn nhân văn – nghệ thuật (Philology Subjects)			18	18		
* Nhóm môn học bắt buộc (Compulsory Subjects)			14	14		

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Số tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
1	DAI006	Môi trường và phát triển (Environment and Development)	02	02		
2	DAI012	Cơ sở văn hoá Việt Nam (Introduction to Vietnamese Culture)	02	02		
3	DAI016	Lịch sử văn minh thế giới (History of World Civilization)	03	03		
4	DAI017	Tiến trình lịch sử Việt Nam (Process of Vietnamese History)	03	03		
5	DAI024	Pháp luật đại cương (Introduction to General Law)	02	02		
6	DAI033	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methodology)	02	02		
* Nhóm môn học tự chọn (Optional Subjects): Sinh viên chọn 4 tín chỉ trong số các môn học dưới đây			04	04		
1	DAI020	Lôgic học đại cương (Introduction to Logic)	02	02		
2	DAI021	Xã hội học đại cương (Introduction to Sociology)	02	02		
3	DAI022	Tâm lý học đại cương (Introduction to Psychology)	02	02		
4	DAI028	Chính trị học đại cương (Introduction to Politics)	02	02		
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Major Subjects/Professional Educational Knowledge)			92	82	10	
II.1 Kiến thức cơ sở (Common subjects)			54	44	10	
1	DAI013	Dẫn luận Ngôn ngữ học (Introduction to Linguistics)	03	03		
2	DAI014	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	03	03		
3	DAI023	Nhân học đại cương (Introduction to Anthropology)	03	03		
4	DAI026	Kinh tế học đại cương (Overview of economics)	03	03		
5	DAI029	Tôn giáo học đại cương (Introduction to Religious Studies)	03	03		
6	LSU065	Khảo cổ học Việt Nam (Vietnamese Archeology)	03	03		
7	VNH017	Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ (Methods in Teaching Foreign Languages)	03	02	01	
8	VNH036	Lịch sử tiếng Việt (History of Vietnamese Language)	03	03		
9	VNH045	Từ Hán - Việt (Sino-Vietnamese Lexicon)	03	03		
10	VNH066	Văn hoá biển Việt Nam	03	03		

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Số tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
		(Marine Culture in Vietnam)				
11	VNH067	Văn hoá Nam Bộ (Culture of Southern Vietnam)	03	03		
12	VNH068	Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá Việt Nam (Regional Culture and cultural subdivisions in Vietnam)	03	03		
13	VNH069	Vấn đề thân tộc, hôn nhân và gia đình ở Việt Nam (The Kinship, Marriage and Family in Vietnam)	03	03		
14	VNH070	Chữ Hán cơ sở 1 (Basic Chinese Characters 1)	05	02	03	
15	VNH071	Chữ Hán cơ sở 2 (Basic Chinese Characters 2)	05	02	03	
16	VNH072	Chữ Nôm cơ sở (Basic Nôm Characters)	05	02	03	
II.2. Kiến thức ngành (Specialized subjects)			38	38		
II.2.1. Kiến thức chung của ngành - nhóm môn học bắt buộc (Compulsory Subjects)			26	26		
1	VNH005	Các tôn giáo ở Việt Nam (Religions in Vietnam)	02	02		
2	VNH009	Địa lý Việt Nam: tự nhiên, nhân văn, kinh tế (Natural, Human and Economic Geography of Vietnam)	03	03		
3	VNH015	Nhập môn khu vực học và Việt Nam học (Introduction to Area and Vietnamese Studies)	03	03		
4	VNH036	Văn hoá du lịch Việt Nam (Vietnam's Tourist Culture)	02	02		
5	VNH039	Văn hoá các dân tộc ở Việt Nam (Ethnic Groups' Cultures in Vietnam)	02	02		
6	VNH040	Kinh tế Việt Nam (Vietnamese Economy)	02	02		
7	VNH041	Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại (Modern Political System of Vietnam)	02	02		
8	VNH020	Báo chí Việt Nam (Press in Vietnam)	02	02		
9	VNH046	Văn học dân gian Việt Nam (Vietnamese Folk Literature)	02	02		
10	VNH006	Đại cương văn học Việt Nam (Introduction to Vietnamese Literature)	03	03		
11	VNH052	Ngữ pháp tiếng Việt (Vietnamese Grammar)	03	03		
II.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành - Nhóm môn học tự chọn (Optional Subjects): Sinh viên chọn 12 tín chỉ trong các môn học sau – SV được chọn làm khóa luận tốt nghiệp chỉ chọn 02 tín chỉ			12	12		

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Số tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
<i>* Nhóm các môn học về văn hoá, xã hội, kinh tế (Culture, Society, Economy Module)</i>			12	12		
1	VNH001	ASEAN và Quan hệ VN – ASEAN (ASEAN and Relationship between Vietnam and ASEAN)	02	02		
2	VNH002	Các đặc trưng sinh thái môi trường Việt Nam (Ecological Features of Vietnam)	02	02		
3	VNH008	Địa lý và cư dân các nước Đông Nam Á (Geography and Peoples in Southeast Asia)	02	02		
4	VNH035	Văn hoá bảo đảm đời sống ở Việt Nam (Life-sustaining Cultures in Vietnam)	02	02		
5	VNH037	Văn hoá ứng xử Việt Nam (Etiquettes in Vietnamese Culture)	02	02		
6	VNH038	Văn hoá Đông Nam Á (Southeast Asian Culture)	02	02		
<i>Nhóm các môn học về khoa học ngữ văn (Philology Module)</i>			14	14		
1	VNH003	Các hệ ngôn ngữ ở Việt Nam (Language Families in Vietnam)	02	02		
2	VNH012	Ngữ âm tiếng Việt thực hành (Vietnamese Practical Phonetics)	02	02		
3	VNH016	Phương ngữ tiếng Việt (Vietnamese Dialects)	02	02		
6	VNH034	Từ vựng tiếng Việt thực hành (Vietnamese Practical Lexicology)	02	02		
7	VNH044	Phong cách học tiếng Việt (Vietnamese Stylistics)	02	02		
8	VNH047	Truyện ngắn Việt Nam hiện đại (Modern Vietnamese Short Stories)	02	02		
TỔNG CỘNG TÍN CHỈ CẦN TÍCH LŨY (Total):			120	110	10	

9. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

9.1 Danh sách giảng viên cơ hữu của Khoa Việt nam học

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Năm được cấp bằng	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học giảng dạy
1.	Phan Thái Bình	1980	Thạc sĩ Văn hóa học	2009	Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Ngoại ngữ Pusan (Hàn Quốc) từ 2008-2009.	Văn hóa ứng xử Việt Nam, Tiếng Việt: nói

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Năm được cấp bằng	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học giảng dạy
2.	Bùi Thị Phương Chi	1963	Thạc sĩ Ngôn ngữ Nga	1999	Giảng dạy đại học từ 1987	Tiếng Việt – Nghe, Tiếng Việt thương mại, Văn hóa du lịch Việt Nam
3.	Phan Trần Công	1975	Thạc sĩ Ngôn ngữ học	2015		Tiếng Việt – Nghe, Phương ngữ tiếng Việt
4.	Lê Khắc Cường	1960	Phó giáo sư, Tiến sĩ Ngôn ngữ học	2000	Giảng dạy đại học từ 1988 Giảng dạy sau đại học từ 2002	Dẫn luận Ngôn ngữ học, Tiếng Việt qua báo chí, Ngữ âm tiếng Việt thực hành Các hệ ngôn ngữ ở Việt Nam
5.	Đinh Thị Dung	1961	Tiến sĩ Văn hóa học	2001	Giảng dạy đại học từ 1991	Cơ sở văn hóa Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới, Nhập môn khu vực học và Việt Nam học, Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa VN
6.	Đào Mục Đích	1968	Tiến sĩ Ngôn ngữ học so sánh	2014	Giảng dạy đại học từ 2010 Giảng dạy tại Đại học Pusan (Hàn Quốc) từ 2014	Tiếng Việt – Nghe Tiếng Việt qua báo chí,
7.	Nguyễn Thị Thanh Hà	1979	Thạc sĩ Nhân học	2007	Giảng dạy đại học từ 2008	Phương pháp học đại học; Văn hóa Việt Nam
8.	Bùi Thị Duyên Hải	1980	Thạc sĩ Châu Á học	2009	Giảng dạy đại học từ 2010	Văn hóa bảo đảm đời sống ở Việt Nam, Văn hóa Việt Nam, Tiếng Việt - Nói

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Năm được cấp bằng	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học giảng dạy
9.	Nguyễn Thị Ngọc Hân	1960	Tiến sĩ Ngôn ngữ học	2005	Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Ngoại ngữ Kanda (Nhật Bản) từ 2006-2009..	Tiếng Việt – Đọc – Viết; Ngữ pháp tiếng Việt
10.	Lê Thị Minh Hằng	1961	Tiến sĩ Ngôn ngữ học	2006	Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Thương mại Nagoya (Nhật Bản) từ 1997-2000.	Tiếng Việt – Đọc – Viết; Ngữ pháp tiếng Việt Phong cách học tiếng Việt
11.	Huỳnh Công Hiến	1964	Tiến sĩ Ngôn ngữ học so sánh	2011	Giảng dạy cao đẳng từ 1986, đại học từ 1996	Tiếng Việt – Nói – Đọc
12.	Trần Thị Hoa	1956	Tiến sĩ Ngôn ngữ học	2005	Giảng dạy đại học từ 1997	Tiếng Việt – Nghe, Các phương tiện liên kết và soạn thảo tiếng Việt Phong cách học tiếng Việt
13.	Võ Thanh Hương	1963	Thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh	2004	Giảng dạy đại học từ 2005	Tiếng Việt – Đọc
14.	Nguyễn Thu Lan	1978	Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế	2008	Giảng dạy đại học từ 2003	Khu vực học và Việt Nam học; ASEAN và quan hệ Việt Nam - ASEAN
15.	Trần Thị Mai Nhân	1970	Tiến sĩ Văn học	2008	Giảng dạy đại học từ 2001	Đại cương văn học Việt Nam; Văn học dân gian Việt Nam Truyện ngắn VN hiện đại
16.	Nguyễn Tuấn Nghĩa	1984	Thạc sĩ Châu Á học	2013	Giảng dạy đại học từ 2014	Phương pháp học đại học, ASEAN và quan hệ VN-ASEAN
17.	Trần Trọng Nghĩa	1975	Tiến sĩ Ngôn ngữ học	2016	Giảng dạy đại học từ 2012	Tiếng Việt – Nghe; Ngữ pháp tiếng Việt
18.	Nguyễn Vân Phổ	1963	Tiến sĩ Ngôn ngữ học so sánh	2007	Giảng dạy đại học từ 1988	Tiếng Việt – Đọc – Viết; Ngữ pháp tiếng Việt

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Năm được cấp bằng	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học giảng dạy
19.	Nguyễn Thanh Phong	1974	Thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh	2001	Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Ngoại ngữ Hankuk (Hàn Quốc) từ 2005-2008.	Tiếng Việt – Nói – Đọc
20.	Phan Thanh Tâm	1975	Thạc sĩ Văn học và Ngôn ngữ	2013	Giảng dạy đại học từ 2016	Tiếng Việt nghe, tiếng Việt đọc
21.	Nguyễn Văn Thành	1968	Thạc sĩ Lịch sử	2001	Giảng dạy đại học từ 2001	Lịch sử Việt Nam; Lịch sử Kinh tế Việt Nam; Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại
22.	Huỳnh Đức Thiện	1972	Tiến sĩ Lịch sử	2012	Giảng dạy đại học từ 2003	Tiến trình lịch sử Việt Nam; Kinh tế Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
23.	Nguyễn Thanh Thủy	1965	Thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh	2003	Giảng dạy đại học từ 2003	Dẫn luận Ngôn ngữ học; Từ vựng tiếng Việt thực hành
24.	Phan Thị Yên Tuyết	1952	Phó giáo sư, Tiến sĩ Dân tộc học	1992	Giảng dạy đại học từ 1992	Văn hóa Biển Việt Nam; Văn hóa Nam Bộ; Văn hóa đảm bảo đời sống ở VN, Các tôn giáo ở Việt Nam
25.	Trần Thị Tươi	1984	Thạc sĩ Văn học VN	2011	Giảng dạy đại học từ 2011	Lịch sử văn học Việt Nam, Truyện ngắn Việt Nam
26.	Phạm Lê Ánh Vân	1985	Thạc sĩ Truyền thông Quốc tế	2011	Giảng dạy đại học từ năm 2016	Tiếng việt qua báo chí

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Năm được cấp bằng	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học giảng dạy
27.	Trần Thủy Vịnh	1964	Phó giáo sư., Tiến sĩ Ngôn ngữ học	2006	Giảng dạy đại học từ 2000 Giảng dạy tiếng Việt tại Hàn Quốc	Tiếng Việt – Nói Lý thuyết dịch Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu Các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ
28.	Nguyễn Thị Hoàng Yến	1964	Thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh	1998	Giảng dạy đại học từ 2000 Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Ngoại ngữ Kanda (Nhật Bản) từ 2003-2006.	Tiếng Việt – Nghe; Phong cách học tiếng Việt; Truyện ngắn VN hiện đại Tiếng Việt thương mại Tữ Hán – Việt

12.2. Danh sách giảng viên cơ hữu từ các Khoa khác trong Trường ĐH KHXH&NV

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Năm được cấp bằng	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học giảng dạy
1.	Nguyễn Thu Cúc	1971	Thạc sĩ Quản lý Môi trường	2002	Giảng dạy đại học từ năm 1996	Địa lý Việt Nam, Địa lý và cư dân các nước Đông Nam Á
2.	Nguyễn Thị Phương Dung	1973	Thạc sĩ Khoa học Môi trường	2003	Giảng dạy đại học từ năm 1995	Môi trường và phát triển
3.	Trương Thị Thu Hằng	1975	Tiến sĩ Nhân học	2011	Giảng dạy đại học từ năm 1997	Nhân học đại cương, Phương pháp nghiên cứu khảo học,
4.	Nguyễn Văn Hoài		Thạc sĩ Hán Nôm	2003	Giảng dạy đại học từ 2003	Chữ Nôm cơ sở, Chữ Hán cơ sở 2
5.	Ngô Thanh Loan	1962	Tiến sĩ Địa Lý	2006	Giảng dạy Đại học từ năm 1986	Các đặc trưng sinh thái môi trường Việt Nam
6.	Đặng Thị Kim Oanh	1963	Tiến sĩ Dân tộc học	2007	Giảng dạy đại học từ năm 2004	Vấn đề thân tộc, hôn nhân và gia đình ở Việt Nam

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Năm được cấp bằng	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học giảng dạy
7.	Nguyễn Ngọc Quận	1957	Cử nhân Hán Nôm Tiên sử Lý thuyết và Lịch sử văn học	2006	Giảng dạy đại học từ 2003	Chữ Hán cơ sở 1, Chữ Nôm cơ sở
8.	Vũ Thị Thanh Thảo	1981	Thạc sĩ Triết học	2010	Giảng dạy đại học từ năm 2006	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin (I, II)
9.	Đặng Văn Thắng	1954	Phó giáo sư, Tiên sử Khảo cổ học	1992	Giảng dạy đại học từ 1997	Khảo cổ học Việt Nam
10.	Phạm Thanh Thôi	1980	Thạc sĩ Dân tộc học	2008	Giảng dạy đại học từ năm 2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học
11.	Nguyễn Ngọc Thơ	1978	Tiên sử Văn hóa học	2012	Giảng dạy đại học từ năm 2000	Văn hóa các dân tộc Việt Nam
12.	Huỳnh Ngọc Thu	1976	Tiên sử Dân tộc học	2010	Giảng dạy đại học từ năm 2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học, tôn giáo ở Việt Nam
13.	Võ Châu Thịnh	1974	Thạc sĩ Triết học, Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế	2003, 2008	Giảng dạy đại học từ 2010	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin (I, II)
14.	Phạm Thị Thủy Trang	1981	Thạc sĩ Xã hội học	2010	Giảng dạy đại học từ năm 2006	Xã hội học đại cương, Thống kê cho KHXH
15.	Dương Văn Tú	1976	Thạc sĩ Kinh tế học	2006	Giảng dạy đại học từ 2005	Kinh tế học đại cương
16.	Nguyễn Thị Hồng Vân	1969	Thạc sĩ Luật	2001	Giảng dạy từ năm 2002	Pháp luật đại cương

10. Danh sách cố vấn học tập:

1. ThS. Phan Thái Bình
2. ThS. Trần Thị Tươi
3. ThS. Nguyễn Văn Thành
4. ThS. Vũ Phương Ly

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính:

Khoa Việt Nam học có 2 phòng lab với 50 máy tính phục vụ việc học kỹ năng nghe hiểu và luyện phát âm. Ngoài ra tại Trường có 6 phòng lab, mỗi phòng 40-50 máy tính nối mạng, trang thiết bị hiện đại, có thể sử dụng để phục vụ hoạt động ĐTTX.

Để đáp ứng nhu cầu giảng dạy theo chương trình, Khoa đã trang bị hệ thống máy tính (máy chủ, máy học viên và các thiết bị) với những điểm nổi bật như sau, Đây là các thông tin tối thiểu cho một lớp học 50 học viên. Các thông tin này còn tùy thuộc

vào số lượng ứng dụng, số lượng học viên, tốc độ xử lý, ... mà có thể được nâng cấp thêm cho phù hợp.

1. Cấu hình máy chủ

- a. Phần cứng
 - CPU 4 nhân (2.60GHz)
 - 4GB RAM
 - 80GB HDD
 - Không giới hạn băng thông
- b. Phần mềm
 - CentOS: 6.x
 - Apache: 2.2
 - PHP: 5.4.4
 - MySQL: 5.3

2. Cấu hình máy học viên:

a. Phần cứng

Bộ vi xử lý – CPU	Intel® Core i3® 2130 (Xung nhịp 3.4Ghz, Bộ đệm 3Mb L2, 64 Bits)
Dung lượng bộ nhớ - RAM	2Gb DDR3 Dual
Dung lượng ổ cứng- HDD	320Gb HDD chuẩn SATA, 7200 rpm
Thông số đồ họa – VGA	Integrated Intel® HD Graphics 2000
Giao tiếp mạng LAN	Integrated Intel® 82579LM Ethernet LAN 10/100/1000
Điều khiển âm thanh	Intel HD Audio Hỗ trợ 2 đường ra âm thanh, 2 đường vào cho Mic và Stereo
Các kết nối hỗ trợ	10 cổng USB 2.0
Webcam	HDWebcam 720 Logitech

b. Phần mềm

- Cài hệ điều hành windows XP trở lên, Mac OS X 10
- Trình duyệt web:
 - Google Chrome: 30.0
 - Mozilla Firefox: 25.0
 - Apple Safari: 6
 - MS Internet Explorer: 9

3. Máy ghi âm cầm tay

- a. Sony ICD PX312
- b. Bộ nhớ trong: 2GB (cho phép mở rộng)
- c. Kết nối máy tính: Có
- d. Kênh Mono
- e. Định dạng ghi âm: MP3
- f. Ngõ cắm tai nghe: Có
- g. Loại pin: Pin Alkaline AAA

4. Tốc độ băng thông đường truyền Internet: 60Mbps

5. Cách triển khai tải liệu Mbook phục vụ cho môn học:

Trang hệ thống được sử dụng cho việc triển khai lớp cử nhân Việt Nam học qua mạng là <http://coursee.vns.edu.vn>. Người quản trị chung (Manager) sẽ cung cấp tài khoản đăng nhập cho tất cả các giảng viên tham gia khóa đào tạo và tài khoản

cho sinh viên tham gia khóa học. Người quản trị chung thực hiện các quyền quản lý như cấp quyền cho người dùng là giảng viên và sinh viên, quản lý các mục tin tức, thông báo, tạo diễn đàn (forum) để giảng viên và sinh viên tương tác.v.v...

Giảng viên đăng nhập vào hệ thống tại địa chỉ <http://courses.vns.edu.vn> và thực hiện các thao tác tùy theo mục đích, yêu cầu đối với môn học, gồm các nội dung: Quản lý thông tin khóa học, quản lý bài học, quản lý ngân hàng câu hỏi, đề thi; quản lý các dạng bài thi, kiểm tra; quản lý nội dung bài nộp, chấm điểm bài làm của sinh viên...

Đối với sinh viên, sau khi đăng nhập vào hệ thống trang mạng trên, thực hiện các thao tác tùy theo yêu cầu bài học, gồm những nội dung cơ bản: Xem khóa học, xem nội dung bài học và các chỉ dẫn yêu cầu đối với bài học như tài liệu tham khảo, làm bài tập, bài kiểm tra, nộp bài, xem điểm, xem thông báo, tham gia trao đổi diễn đàn (forum) và các chức năng khác...

11.2. Thư viện

Khoa Việt Nam học có phòng đọc với tủ sách chuyên ngành phục vụ nghiên cứu, đào tạo về Việt Nam học với hơn 1000 cuốn sách.

Ngoài phòng Tư liệu của khoa, sinh viên còn có thể tham khảo tài liệu trong Thư viện điện tử của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Trên đây là toàn bộ chương trình đào tạo, phương tiện giảng dạy, những mối quan hệ cộng tác với các đơn vị liên quan đến việc đào tạo sinh viên ngành Việt Nam học bậc Đại học hệ ĐTTX.

Ban Chủ nhiệm, Giáo vụ Khoa Việt Nam học triển khai thực hiện chương trình ĐTTX ngành Việt Nam học trên cơ sở căn cứ vào các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội – Nhân văn.

13. Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo

Dự kiến sau khi Chương trình đào tạo cử nhân Việt Nam học hình thức đào tạo từ xa qua mạng được triển khai thực hiện, chương trình sẽ được tiến hành kiểm định theo lộ trình:

Từ năm **2022** – sau khi có sinh viên khóa đầu tiên tốt nghiệp: kiểm định nội bộ tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA.

Từ năm **2023** – Chương trình được kiểm định theo chuẩn AUN-QA cấp Đại học Quốc gia TP HCM.

Từ năm **2024** – Chương trình được kiểm định theo chuẩn AUN-QA khu vực Đông Nam Á.